

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/DS-ST
Ngày: 21-8-2023
V/v Tranh chấp dân sự về
hợp đồng tín dụng và hợp đồng
thế chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**.

2. Bà **Võ Thị Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 732/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 217A/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên Tài chính T Việt Nam;

Địa chỉ: Phòng 04-05, tầng 12, Saigon Centre Tòa 2, Số 67 đường Lê L, phường B, Quận 1, thành phố H1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Bích H** - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Ngô Minh T** - sinh năm 1981; Là nhân viên phòng thu nợ (theo văn bản ủy quyền ngày 07/03/2023).

- Bị đơn: Anh **Tăng Chí H** - sinh năm 1988 và chị **Trần Thị N** - sinh năm 1990; Cùng địa chỉ: 964, ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh D.

(Anh T và anh H có đơn xin vắng mặt, chị N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại Tòa án, anh Ngô Minh T đại diện cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tài chính T Việt Nam trình bày như sau:*

Ngày 01/12/2015, Công ty T có giao kết 01 Hợp đồng tín dụng số 100011003 với anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N thông qua việc anh H và chị N (bên vay) đề nghị cấp tín dụng và Công ty T (bên cho vay) đồng ý cấp tín dụng cho khoản vay với số tiền: 416.000.000 đồng (bốn trăm mười sáu triệu đồng) với nội dung chính sau đây:

- Mục đích của khoản vay: Mua 01 xe ô tô Toyota VIOS E, số khung: RL4BT9F35F4018034, số máy: 1NZZ348766, BKS: 66A-033.71. Đồng thời, chiếc xe ô tô này là tài sản được bên vay thế chấp tại bên cho vay trong suốt thời hạn vay để bảo đảm cho khoản vay nêu trên.

- Thời hạn vay: 60 tháng.

- Lãi suất vay: 7.99%/năm, lãi suất này được điều chỉnh sau mỗi 03 tháng, hiện nay lãi suất áp dụng cho Hợp đồng tín dụng này là 10.75%/năm. Ngoài ra, nếu bên vay không thanh toán đúng hạn theo lịch thanh toán, phải chịu lãi suất quá hạn tương đương 150% lãi suất vay tại thời điểm tương ứng cho phần chậm thanh toán.

Từ sau khi giao kết hợp đồng tín dụng với nội dung nêu trên, anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N chỉ thanh toán cho Công ty T đến kỳ tháng 01/2017. Trong khoảng thời gian từ khi bắt đầu thực hiện Hợp đồng tín dụng này, anh H và chị N đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay, mặc dù Công ty T liên tục liên hệ nhắc nhở, gửi yêu cầu thanh toán số tiền phải trả cũng như yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm để Công ty T xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật nhưng anh H và chị N vẫn cố tình trốn tránh không thực hiện. Vì vậy, hành vi vi phạm Hợp đồng này đã gây nhiều khó khăn cho Công ty T trong hoạt động kinh doanh của mình.

Như vậy, việc anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả là vi phạm Điều 12 của tập tài liệu về cấp tín dụng mua xe ô tô - một phần không tách rời của Hợp đồng tín dụng số 1100011003. Căn cứ theo Điều 12 của tập tài liệu về cấp tín dụng mua xe ô tô - Hợp đồng tín dụng số 1100011003, Công ty T có quyền chấm dứt việc cho vay, buộc anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ đã quá hạn và toàn bộ số dư nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 1100011003 cho Công ty T như sau (số liệu được tính đến ngày 21/8/2023):

Số tiền gốc: 196.821.118 đồng.

Lãi: 70.303.943 đồng.

Lãi quá hạn: 161.928.824 đồng.

Tổng cộng: 429.053.885 đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi lăm đồng).

Những điều khoản trên của Hợp đồng tín dụng số 1100011003 được nêu chi tiết tại các Điều 4,12,17 của Tập tài liệu về cấp tín dụng mua xe ô tô; đồng thời những quy định này cũng phù hợp với những quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30/12/2016.

Do vậy, để quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T được đảm bảo, các quy định của pháp luật được tôn trọng và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ Công ty T là 429.053.885 đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi lăm đồng) và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất quá hạn được quy định theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi anh H và chị N thanh toán toàn bộ khoản tiền theo yêu cầu.

- Nếu anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N không có khả năng thanh toán số tiền nêu trên, Công ty T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản bảo đảm cho khoản vay của anh H và chị N tại Công ty T là 1 xe ô tô Toyota VIOS E, số khung: RL4BT9F35F4018034, số máy: 1NZZ348766, Biển số: 66A-033.71 để cầm trừ vào nghĩa vụ trả nợ của anh H và chị N cho Công ty T.

* Bị đơn anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập họp lệ nhưng chị N không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên tòa xét xử của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn là chị N. Riêng anh Tăng Chí H đã trình bày ý kiến tại văn bản ngày 09/5/2023 với nội dung thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn như đã nêu trong đơn khởi kiện và anh cũng thống nhất trả số tiền vay còn nợ theo yêu cầu của Công ty T, trường hợp anh không có khả năng trả nợ thì anh cũng đồng ý giao lại tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô cho Công ty T xử lý theo quy định của pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của TFSVN; Bản sao giấy ủy quyền; Bản sao đề nghị cấp tín dụng; Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng; Bản sao phụ lục thông tin về tài sản thế chấp là phương tiện giao thông; Bản sao Tập tài liệu về cấp tín dụng mua xe ô tô; Bản sao điều lệ TFSVN; Bảng kê chi tiết thanh toán; Bản sao giấy đăng ký xe Toyota BKS 66A-033.71; Bản sao giấy CMND Tăng Chí H và Trần Thị N; Bản sao sổ hộ khẩu do Tăng Văn S là chủ hộ; Bản sao giấy đăng ký kết hôn của anh H và chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ tính đến ngày 21/8/2023 với tổng số tiền là 429.053.885 đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi lăm đồng) và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất quá hạn được quy định theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi anh H và chị N thanh toán toàn bộ khoản tiền theo yêu cầu; trường hợp anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N không có khả năng thanh toán số tiền nêu trên thì Công ty T yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô Toyota VIOS E, số khung: RL4BT9F35F4018034, số máy: 1NZZ348766, Biển số: 66A-033.71 để cầm trả vào nghĩa vụ trả nợ của anh H và chị N cho Công ty T. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Do nơi cư trú bị đơn ở xã P, huyện C, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa ngày 21/8/2023, chị Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố hay các yêu cầu gì khác trong vụ án này; anh Tăng Chí H có đơn xin xét xử vắng mặt; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và các bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2022, người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông I (chức vụ Tổng giám đốc); tuy nhiên, đến ngày 26/12/2022 thì Công ty T được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - đăng ký thay đổi lần thứ 13 - theo đó, người đại diện theo pháp luật của Công ty được thay đổi là ông Đỗ Bích H, chức vụ Tổng giám đốc. Do đó, người đại diện theo pháp luật của Công ty T được xác định là ông Đỗ Bích H.

[5] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ Công ty T là 429.053.885 đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi lăm đồng) và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất quá hạn được quy định theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi anh H và chị N thanh toán toàn bộ khoản tiền theo yêu cầu. Nếu anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N không có khả năng thanh toán số tiền nêu trên thì Công ty T có quyền

yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô VIOS E, Biển số: 66A-033.71 để cản trù vào nghĩa vụ trả nợ của anh H và chị N cho Công ty T; Hội đồng xét xử nhận định:

[6] Công ty T được phép thực hiện các hoạt động kinh doanh cung cấp tài trợ tín dụng chủ yếu cho khách hàng và đại lý của Toyota trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam đã được ghi nhận tại Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam. Xuất phát từ việc anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N có nhu cầu vay tiền cho mục đích mua xe ô tô tiêu dùng. Ngày 01/12/2015, Công ty T (bên cho vay) và anh Tăng Chí H, chị Trần Thị N (bên vay) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 100011003, theo đó Công ty T đồng ý cấp tín dụng cho khoản vay của anh H, chị N với số tiền 416.000.000 đồng (bốn trăm mười sáu triệu đồng) với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, phương thức trả nợ gốc hàng tháng là 6.933.334 đồng/tháng và trả nợ lãi hàng tháng, đã được nguyên đơn chứng minh bằng tờ “Đề nghị cấp tín dụng” số 100011003 đề ngày 01/12/2015 thể hiện đúng như đơn khởi kiện và lời trình bày của phía nguyên đơn.

[7] Căn cứ vào bảng chi tiết thanh toán mà nguyên đơn giao nộp thể hiện anh H, chị N đã thanh toán nợ gốc cho Công ty T lần cuối cùng vào ngày 11/10/2018 với tổng số tiền là 219.178.882 đồng, tiền lãi là 38.916.540 đồng và tiền lãi quá hạn là 4.929.578 đồng. Đồng thời, theo bảng kê chi tiết số tiền phải thanh toán đề ngày 21/8/2023 thì số tiền gốc mà bị đơn đã thanh toán kỳ cuối cùng được quy đổi ra là ngày 01/7/2018. Kể từ kỳ tiếp theo là ngày 01/8/2018 thì anh H, chị N không trả đầy đủ khoản nợ gốc cũng như lãi suất cho Công ty T, như vậy kể từ ngày 01/7/2018 đến nay thì anh H, chị N còn nợ của Công ty T số tiền vay gốc là 196.821.118 đồng (416.000.000 đồng - 219.178.882 đồng) nhưng anh H, chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù đã được Công ty T nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở.

[8] Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, cũng như các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn được biết. Tuy nhiên, bị đơn chị Trần Thị N không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn nên đây được xem là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Riêng đối với bị đơn là anh Tăng Chí H có văn bản ý kiến thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng tín dụng giữa hai bên đương sự là có thật, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lại số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng số 100011003 ngày 01/12/2015 với số tiền 196.821.118 đồng nêu trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Đối với yêu cầu về lãi suất, xét tờ Đề nghị cấp tín dụng số 100011003 ngày 01/12/2015 thể hiện: *lãi suất vay là 0,66583%/tháng*, lãi suất này không thay đổi trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, sau đó được điều chỉnh 03 tháng một lần căn cứ theo Lãi suất cho vay của TFSVN áp dụng tại thời điểm điều chỉnh, *lãi*

suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay theo từng thời kỳ. Đồng thời, theo Tập tài liệu về cấp tín dụng mua xe ô tô, tại mục 6.4 quy định: Nếu TFSVN không nhận được đầy đủ khoản thanh toán của Bạn vào ngày đến hạn, Bạn sẽ phải trả khoản lãi quá hạn cho số tiền quá hạn từ ngày đến hạn cho đến khi nó được thanh toán đầy đủ. Lãi quá hạn sẽ được tính hàng ngày trên số tiền quá hạn theo lãi suất quá hạn được quy định trong đề nghị cấp tín dụng chia cho 30. Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước, lãi và lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi.

[10] Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 (công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao), *khách hàng vay ngoài phải trả khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.*

[11] Căn cứ vào bảng chi tiết thanh toán thể hiện phía bị đơn đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền từ khi bắt đầu kỳ trả nợ đầu tiên, tuy nhiên sau đó thì bị đơn cũng đã thực hiện nghĩa vụ nhiều lần, cụ thể là đã thanh toán được khoản nợ gốc với số tiền 219.178.882 đồng và lãi suất với số tiền là 38.916.540 đồng. Xét bảng kê chi tiết số tiền phải thanh toán đề ngày 21/8/2023 thì nguyên đơn xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả lãi từ ngày 01/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2023), số tiền lãi mà bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 70.303.943 đồng, ngoài ra bị đơn còn phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận với số tiền là 161.928.824 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn xác định số tiền lãi và lãi suất quá hạn như đã nêu trên đến thời điểm xét xử sơ thẩm là đúng với sự thỏa thuận của các đương sự và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[12] Đối với yêu cầu về việc xử lý tài sản thế chấp: Căn cứ Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 11/10/2022 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố H1 đã thể hiện Công ty T có nhận bảo đảm tài sản của anh Tăng Chí H là 01 xe ô tô có số khung: RL4BT9F35F4018034, Biển số: 66A-033.71, thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm là 10 giờ 06 phút ngày 10/12/2015. Xét thấy việc thế chấp tài sản tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong quá trình ký kết nên hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực pháp luật. Do đó, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì tài sản thế chấp phải được phát mại theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[13] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định; nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 483 Bộ của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, khoản 1 Điều 299, Điều 303 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 7 và điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam. Buộc anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N phải có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 100011003 ngày 01/12/2015 với tổng số tiền là 429.053.885 đồng (bốn trăm hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 196.821.118 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi một nghìn, một trăm mười tám đồng), tiền lãi là 70.303.943 đồng (bảy mươi triệu, ba trăm lẻ ba nghìn, chín trăm bốn mươi ba đồng) và tiền lãi quá hạn là 161.928.824 đồng (một trăm sáu mươi một triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm hai mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền gốc còn nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 100011003 ngày 01/12/2015.

2. Trường hợp anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ như đã nêu trên thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại, bán đấu giá tài sản bảo đảm cho khoản vay của anh Tăng Chí H,

chị Trần Thị N tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam là 01 xe ô tô, số khung: RL4BT9F35F4018034, số máy: 1NZZ348766, Biển số: 66A-033.71 để cầm trả vào nghĩa vụ trả nợ của anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 21.162.000 đồng (hai mươi một triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng) anh Tăng Chí H và chị Trần Thị N phải liên đới chịu.

3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài chính T Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.233.000 đồng (mười triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014783 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Trường Chinh